

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày 5/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Viết Nguyên

Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng NVC - Kiểm sát viên.

Trong ngày 5 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: LVQ – Sinh ngày 10/6/1974 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVL và bà NTK; bị cáo có vợ và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 được thay thế bằng biện pháp cầm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: ĐVT – Sinh ngày 15/5/1964 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông ĐVL và bà LTG; bị cáo có vợ và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 được thay thế bằng

biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

DVT đang bị tạm giam trong vụ án khác theo Lệnh tạm giam số 07/CSĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, thời gian tạm giam tính từ ngày 16/01/2018.

3. Họ và tên: TMQ–Sinh ngày 10/10/1970 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông TKĐ (đã chết) và bà TTC; bị cáo có vợ và hai con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 chuyển tạm giam, đến ngày 3/11/2017 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Nhân Thân: Bản án hình sự số 32/2015/HSST ngày 18/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Yên Định tuyên bố TMQ phạm tội “Đánh bạc” và xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung số tiền 6.000.000đ.

4. Họ và tên: NVM –Sinh năm 1969, tại Ấp KII, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Nơi ĐKKHKT: tại Ấp KII, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVT (đã chết) và bà LHY (đã chết); chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 chuyển tạm giam.

5. Họ và tên: LVH –Sinh ngày 19/02/1989 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVS và bà NTS; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện tại bị cáo LVH đang bị tạm giam trong vụ án khác theo Lệnh tạm giam số 08/CSĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, thời gian tạm giam tính từ ngày 16/01/2018.

6. Họ và tên: LVB–Sinh ngày 25/5/1989 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVM và bà TTQ; bị cáo có vợ và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: NVC–Sinh ngày 05/7/1978 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: Thôn 9, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NKC và bà TTG; bị cáo có vợ và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ và tên: TĐN–Sinh ngày 15/9/1983 tại: xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã Q, huyện Y, Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông TĐT và bà TTN; bị cáo có vợ và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017, đến ngày 28/9/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Những người làm chứng:

1. Trịnh Văn Hồng

Trú tại: Thôn 5, xã Q, huyện Yên Định, Thanh Hóa

2. Lê Văn Thao

Phó trưởng Công an xã Quý Lộc

3. Hoàng Văn Tước

Trú tại: Thôn 3, xã Quý Lộc, huyện Yên Định, Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, có mặt anh Tước, vắng mặt chị Hồng, anh Thao.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 25/9/2017, LVQ đang bán cháo ăn đêm tại Thôn 5, xã Q, thì có NVM đến ăn cháo; sau đó có ĐVT và TMQ cũng đến nhà LVQ ăn cháo. Lúc này NVM, ĐVT và TMQ, LVQ đang ngồi uống nước thì LVQ nói với cả bọn “Có chơi thì chơi đi”, ý là đánh bài ăn tiền, thì NVM, ĐVT và TMQ hiểu ý là đánh bài ăn tiền và đồng ý; Lúc này có LVB và LVH đều cũng đến quán nhà LVQ ăn cháo và đi vào ngồi uống nước cùng với NVM, ĐVT, TMQ và LVQ thì ĐVT nói với LVB và LVH “Có chơi cốp nhỏ, tý ăn cháo thể”, ý là đánh bài ăn tiền thì LVB và LVH hiểu ý là đánh liêng ăn tiền nên đồng ý. LVQ đi mua bài và lấy chiếu có sẵn trong nhà rồi trải tại gian nhà ngang của gia đình để NVM, ĐVT, TMQ, LVB và LVH bắt đầu đánh bài ăn tiền bằng hình thức đánh liêng, còn LVQ vừa ngồi xem đánh bài vừa nấu cháo bán hàng.

Hình thức đánh bạc bằng hình thức “đánh liêng” ăn thua bằng tiền như sau: Các con bạc sẽ sử dụng một bộ bài tú lơ khơ 52 cây, trước khi chia bài mỗi con bạc phải đặt cốp trước 10.000 đồng, rồi sau đó một con bạc là người thắng ở ván trước sẽ chia đều cho mỗi người 03 cây bài (hoặc khi bắt đầu chơi thì người chia bài là một người bất kỳ). Sau khi chia bài xong các con bạc sẽ xem bài và bắt đầu tố theo thứ tự từ con bạc chia bài cho đến con bạc cuối cùng, các con bạc tố ít nhất là 10.000 đồng và cao nhất là 50.000 đồng, con bạc nào không theo thì úp bài và không phải bỏ thêm tiền, con bạc nào theo tố hoặc tố thêm thì giữ bài và phải bỏ tiền vào đồng tiền cốp ở giữa. Sau khi tố đến con bạc cuối cùng xong thì các con bạc đã theo tố lật bài để tính thắng thua.

Cách tính thắng thua: Cao nhất là sấp (gồm có 03 cây bài giống nhau, ví dụ: 03 cây bài đều là A (gọi là sấp A) - là sấp cao nhất hoặc 03 cây bài đều là 2 (gọi là sấp 2) - là sấp thấp nhất); tiếp đến là liêng (gồm có 03 cây bài liên tiếp, ví dụ: 03 cây bài là Q,K,A gọi là liêng QKA – là liêng cao nhất hoặc 03 cây bài là A,2,3 gọi là liêng 123 – là liêng thấp nhất), tiếp đến là dĩ (gồm 03 cây bài ông người, ví dụ: 03 cây bài là K,K,Q – là dĩ cao nhất hoặc J,J,Q – là dĩ thấp nhất), rồi đến tính điểm, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm (gọi là tịt); cách tính điểm được tính như sau: A = 1 điểm; 2 = 2 điểm ... 9 = 9 điểm, từ 10 đến K = 0 điểm và điểm là hàng đơn vị của tổng 03 cây bài (ví dụ: 03 cây bài gồm A, 3, 6, tổng là 10 thì số điểm được tính là 0 điểm (gọi là tịt); 03 cây bài gồm 4, 7, 8, tổng là 19 thì số điểm được tính là 9 điểm hoặc 03 cây bài gồm 9, 10, K thì tổng là 09 điểm). Con bạc nào có bài cao nhất sẽ được thắng và được hưởng toàn bộ tiền đóng cốp và tiền theo tố, đồng thời cũng sẽ là người chia bài ở ván tiếp theo. Nếu có từ hai bài trở lên bằng nhau thì là chào và lúc này phải cắt tiền hồ là 10.000 đồng và các con bạc khác bắt đầu mua chào rồi các con bạc tiếp tục chia bài, tố và tính thắng thua như trên.

Khi NVM, ĐVT, TMQ, LVH và LVB đang đánh bạc tại nhà LVQ được khoảng 30 phút thì có NVC và tiếp theo là TĐN đến và tham gia cùng đánh bạc. Bảy người chơi đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Yên Định phát hiện bắt quả tang. Trong lúc Cơ quan Công an bắt quả tang yêu cầu không ai được cất giấu tiền dùng vào việc đánh bạc thì các bị cáo ĐVT đã bỏ trong người ra chiếu số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo LVB đã bỏ trong người ra chiếu số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo TMQ đã bỏ trong người ra chiếu số tiền 800.000 đồng; Công an huyện đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang với tổng số tiền 7.200.000 đồng, là gồm cả số tiền có dưới chiếu và cả tiền của các bị cáo ĐVT, LVB, TMQ bỏ trong người ra chiếu cùng 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây. Đây là tiền và bài các bị cáo đã sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Trước khi đánh bạc thì NVM có số tiền 360.000 đồng, ĐVT có số tiền 1.840.000 đồng, TMQ có số tiền 1.200.000 đồng, LVH có số tiền 490.000 đồng, LVB có số tiền 1.700.000 đồng, NVC có số tiền 700.000 đồng và TĐN có số tiền 600.000 đồng. Khi lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang thì tất cả đều đang để tiền dưới chiếu bạc và chưa biết thắng thua cụ thể. Trong quá trình đánh bạc thì các con bạc đã cất được số tiền 100.000 đồng để trong nồi cơm điện nhưng khi Cơ quan Công an bắt quả tang thì nồi cơm điện đã được đậy nắp nên chưa bị phát hiện để thu giữ. Ngày 04/10/2017 LVQ đã tự TĐN giao nộp số tiền này cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 05/CT-KSĐT-TA ngày 12/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS 1999, xử phạt bị cáo LVQ từ 4 đến 5 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999, xử phạt bị cáo ĐVT từ 4 đến 5 tháng tù, thời gian tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999, xử phạt bị cáo TMQ từ 4 đến 5 tháng tù, thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999; khoản 5 điều 328 BLTTHS 2015, xử phạt bị cáo NVM 4 tháng 14 ngày tù, bằng thời gian tạm giữ tạm giam, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999, xử phạt bị cáo LVH từ 3 đến 4 tháng tù, thời gian tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, khoản 1 Điều 46, Điều 53, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS 1999, xử phạt bị cáo LVB từ 3 đến 4 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1 Điều 30 BLHS 1999, xử phạt bị cáo NVC, TĐN mỗi người từ 5 đến 6 triệu đồng.

Về phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 30, khoản 3 Điều 248 BLHS 1999, phạt bổ sung đối với các bị cáo: LVQ, ĐVT, LVH, NVM, LVB mỗi người 3 đến 5 triệu đồng. Các bị cáo NVC, TĐN hình phạt chính là phạt tiền, bị cáo TMQ thuộc hộ nghèo nên không phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 41 BLHS 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây đã qua sử dụng, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 7.300.000đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo LVQ, LVH, TMQ, NVM, LVB, NVC, Trình Đình TĐN thành khẩn khai báo đúng như cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo ĐVT khai báo không thành khẩn, ĐVT cho rằng khi Công an bắt quả tang thì ĐVT lấy từ trong túi quần ra 1.500.000đ bỏ xuống chiếu bạc và Công an lập biên bản thu giữ tổng là 7.200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Lời khai Ban đầu các bị cáo đều thừa nhận khi Công an bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 7.200.000đ và tiền các bị cáo “cắt” để lại cho bị cáo LVQ 100.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 7.300.000đ.

Quá trình điều tra về sau và tại phiên tòa bị cáo ĐVT cho rằng số tiền 1.500.000đ bị cáo bỏ xuống chiếu không dùng vào mục đích đánh bạc. Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục số 2, 3), các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung (Bút lục từ 243 đến 264), ĐVT khai số tiền 1.500.000đ dùng vào mục đích đánh bạc.

Xét thấy bị cáo ĐVT học hết lớp 8/10, có nhận thức xã hội, trong khi đó rất nhiều bản tự khai, lời khai của bị cáo đều thừa nhận bị cáo dùng số tiền 1.500.000đ vào mục đích đánh bạc, bị cáo phản cung nhưng không có chứng cứ chứng minh vì vậy đủ cơ sở khẳng định bị cáo dùng 1.500.000đ vào mục đích đánh bạc.

Từ nhận định trên và căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu hồi được, cùng tài liệu khác có trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 20 giờ ngày 25/9/2017, các bị cáo LVQ, ĐVT, TMQ, NVM, LVB, LVH, NVC và TĐN đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “đánh liêng” ăn thua bằng tiền. Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.300.000đ (Gồm tiền thu tại chỗ 7.200.000đ và tiền các bị cáo “cất” để lại cho LVQ 100.000đ).

Hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án “Đánh bạc” mang tính chất ít nghiêm trọng có đông người tham gia, số tiền đánh bạc không lớn. Vụ án xảy ra ở vùng nông thôn, trình độ dân trí còn hạn chế, cách thức đánh bạc đơn giản, không tổ chức chặt chẽ, không có sự bàn bạc trước, không có bảo vệ, không gọi điện rủ rê, vì vậy đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội gây mất an ninh trật tự và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân vì vậy cần xử lý nghiêm minh.

Xét về vai trò của các bị cáo:

Bị cáo LVQ tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là người khởi xướng đồng thời trải chiếu, mua bài, cho mượn địa điểm để đánh bạc và nhận tiền hồ, hành vi này có dấu hiệu của tội gá bạc, song xét về quy mô, tính chất và số tiền chưa đủ định lượng, nên LVQ chỉ phạm tội “đánh bạc” nhưng với vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo ĐVT tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt và là người trực tiếp rủ LVH và LVB tham gia đánh bạc, do vậy ĐVT phải chịu trách nhiệm hình sự như LVQ với vai trò thứ nhất trong vụ án.

Các bị cáo: TMQ, NVM, LVB và LVH tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai.

Các bị cáo NVC, TĐN tham gia đánh bạc sau cùng, hành vi thực hiện tội phạm có mức độ hạn chế hơn, nên NVC, TĐN phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ LVB.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo LVQ, ĐVT, NVM, LVB và LVH, NVC, TĐN đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo LVQ, TMQ, NVM, LVB, LVH, NVC, TĐN khai báo thành

khẩn, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Bị cáo LVQ có bố và mẹ được tặng bằng khen của UBND tỉnh Thanh Hóa; bị cáo ĐVT có bố được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất và huân chương kháng chiến hạng LVB; bị cáo TMQ có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng LVB, huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo NVC có bố được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo TĐN có bố được tặng huân chương kháng chiến hạng LVB, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xét về nhân thân: Các bị cáo LVQ, ĐVT, NVM, LVB, LVH, NVC, TĐN chưa từng bị xét xử và bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bị cáo TMQ: Bản án hình sự số 32/2015/HSST ngày 18/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Yên Định tuyên bố TMQ phạm tội “Đánh bạc” và xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung số tiền 6.000.000. Số tiền mà TMQ cùng đồng phạm tham gia đánh bạc lần này là: 3.110.000đ (dưới 5 triệu đồng). Như vậy, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 điều 2 về điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015 thì Bản án nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Yên Định không được xem xét để xác định án tích đối với TMQ.

Trong khi đang chuẩn bị xét xử vụ này thì ngày 13/01/2018 các bị cáo ĐVT, LVH tiếp tục có hành vi đánh bạc, bị khởi tố bị can và tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 13/01/2018.

Bị cáo NVM cư trú tại xã Q từ năm 2010 cho đến nay nhưng không đăng ký tạm trú tạm vắng, Công an xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xác nhận bị cáo NVM bỏ đi khỏi địa phương đã lâu, đi đâu không rõ.

Về hình phạt chính áp dụng đối với các bị cáo:

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt tù giam đối với các bị cáo ĐVT, LVH, TMQ, NVM; xử phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo LVQ, LVB; phạt tiền đối với NVC, Trình Đình TĐN là phù hợp với tính chất hành vi, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo.

Đối với bị cáo NVM bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017 sau đó tiếp tục tạm giam. Tính đến ngày 5/02/2018, NVM đã bị tạm giam tổng thời gian là 134 ngày (tương đương 4 tháng 14 ngày). Như vậy xử phạt tù bằng mức thời gian tạm giam và trả tự do cho NVM tại phiên tòa là phù hợp.

Bị cáo TMQ bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 25/9/2017 đến ngày 3/11/2017, tổng là 40 ngày (tương đương 1 tháng 10 ngày), thời gian này được tính để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Các bị cáo:ĐVT, LVH bị tạm giữ 3 ngày (từ ngày 25/9/2017 đến ngày 28/9/2017), thời gian này được tính để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Về phạt bổ sung:Các bị cáo tham gia đánh bạc với tính chất ăn thua, sát phạt nhau vì vậy cần áp dụng khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự để phạt tiền bổ sung. Bị cáo NVC, TĐN hình phạt chính là phạt tiền nên không phạt bổ sung; bị cáo TMQcó vợ đang phải chạy thận nhân tạo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên không phạt bổ sung là phù hợp.

Về xử lý vật chứng:Cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây đã qua sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 7.300.000đ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Tuyên bố các bị cáo: LVQ, ĐVT, LVH, TMQ, NVM, LVB, NVC, TĐN phạm tội: “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo LVQ 5 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1 Điều 46, Điều 53, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS 1999

Xử phạt bị cáo LVB 4 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo LVQ, LVB cho UBND xã Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo ĐVT 5 tháng tù, nhưng được trừ đi 3 ngày tạm giữ còn phải chấp hành 4 tháng 27 ngày, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, pkhoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo LVH 4 tháng tù, nhưng được trừ đi 3 ngày tạm giữ còn phải chấp hành 3 tháng 27 ngày, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo TMQ 4 tháng tù, nhưng được trừ 1 tháng 10 ngày tạm giữ, tạm giam, còn phải chấp hành 2 tháng 20 ngày, thời hạn tù tính ngày chấp hành hình phạt.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999; khoản 5 điều 328 BLTTHS 2015.

Xử phạt bị cáo NVM 4 tháng 14 ngày tù, bằng thời gian tạm giữ tạm giam (Từ ngày 25/9/2017 đến ngày 5/02/2018). Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 30 BLHS 1999 đối với các bị cáo NVC, TĐN.

Xử phạt các bị cáo NVC, TĐN mỗi người 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Nộp một lần trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Phạt bổ sung các bị cáo: LVQ, ĐVT, LVH, NVM, LVB mỗi người 3.000.000đ (LVB triệu đồng) để sung quỹ nhà nước. Nộp một lần trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 41 BLHS 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây đã qua sử dụng tại phiếu nhập kho số NK000227 ngày 16/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 7.300.000đ (Bảy triệu LVB trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/0000149 ngày 16/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo LVQ, ĐVT, LVH, TMQ, NVM, LVB, NVC, TĐN mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh TH;
- Công an huyện Yên Định;
- VKSND huyện Yên Định;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn

